

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2021/HS-ST
Ngày 21-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Xuân.
2. Ông Lê Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2021/TLST-HS, ngày 22 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Hoàng Văn L (tên gọi khác: không có); sinh ngày 20 tháng 7 năm 1965 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1947; vợ: Đàm Thị K, sinh năm 1964, con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/2/2021 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Bà Lý Thị T, sinh năm 1964, nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Dương Văn N, vắng mặt.
2. Bà Dương Thị T, vắng mặt.
3. Ông Hoàng Minh Đ, vắng mặt.
4. Bà Đỗ Thị X, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/2/2021, Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen Biển kiểm soát 12H1-165.08 từ nhà ở thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đến đón Dương Văn N để đi hát Karaoke. Đến điểm hẹn thì thấy Dương Văn N cùng Dương Thị T, Hoàng Minh Đ, Đỗ Thị X, Lý Thị T. Khoảng 16 giờ cùng ngày, cả 06 người cùng đến phòng hát số 01 quán Karaoke X ở thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Trong khi cả nhóm đang hát, Hoàng Văn L quan sát thấy 01 chiếc ví thỏ cầm của bà Lý Thị T để trên ghế trong phòng hát nên đã nảy sinh ý định lấy trộm tiền trong ví để tiêu xài cá nhân. Khoảng 16 giờ 20 phút, khi bà Lý Thị T ra ngoài nghe điện thoại, quan sát thấy mọi người đang tập trung hát, Hoàng Văn L cầm chiếc ví để sát hông bên phải rồi đi ra ngoài, kẹp chiếc ví ở giá đỡ thân xe mô tô, rồi điều khiển đi theo hướng ngã tư thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đi được một đoạn cách quán hát 400m, Hoàng Văn L dừng xe lại mở ví lấy tiền bên trong nhưng không đếm và cất tiền vào túi quần; sau đó, vớt chiếc ví lên đồi cây Bạch Đàn cách mép đường 2m rồi điều khiển xe quay lại phòng hát. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bà Lý Thị T phát hiện mất ví nên đã trình báo với Công an xã T; trong quá trình làm việc với cơ quan Công an, sau khi có kết quả kiểm tra camera lắp tại quán, Hoàng Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi.

Tại Biên bản truy tìm vật chứng ngày 16/2/2021 đã tìm thấy chiếc ví và kiểm tra bên trong còn lại có 1.500.000 đồng (gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), 01 giấy chứng minh thư nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô.

Hoàng Văn L đã giao nộp số tiền 1.910.000 đồng, trong đó có 740.000 đồng là tiền của bản thân, còn lại 1.170.000 đồng là số tiền đã lấy được trong ví của bà Lý Thị T. Đối với số tiền 1.500.000 đồng được tìm thấy trong chiếc ví, do Hoàng Văn L không mở ngăn khóa nên không phát hiện ra để lấy. Xác định tổng số tiền Hoàng Văn L đã trộm cắp 2.670.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 19/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố Hoàng Văn L về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bà Lý Thị T xác nhận đúng sự việc như bị cáo đã trình bày và bị mất 01 chiếc ví thỏ cầm, trong ví có 2.670.000 đồng, 01 giấy chứng minh thư nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Lý Thị T đã hỏi mọi người để được xin lại nhưng bị cáo Hoàng Văn L nhất quyết không trả nên đã trình báo cơ quan chức năng. Tại phiên tòa, bị hại đề nghị xin lại số tiền 2.670.000 đồng, các giấy tờ tùy thân và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 12H1- 165.08 thuộc quyền sở hữu của anh Hoàng Văn T, anh không biết việc bố của anh sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội và xác nhận đã được hoàn trả lại chiếc xe nên không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 47; các Điều 38, 50, 65 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 3 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên bố Hoàng Văn L phạm Tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định gấp đôi thời gian thử thách; không đề nghị áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

Đề nghị xử lý vật chứng, trả lại cho Hoàng Văn L số tiền 740.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trả lại cho bà Lý Thị T số tiền 2.670.000 đồng, 01 chiếc ví, 01 Giấy chứng minh thư, 01 đăng ký xe mô tô. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Bị cáo, bị hại không có ý kiến đối đáp, tranh luận.

Bị cáo Hoàng Văn L nói lời sau cùng thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, đề nghị cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đều vắng mặt, không có lý do. Hồ sơ thể hiện những người này đã có lời khai, lời trình bày được thu thập hợp pháp và không có yêu cầu bồi thường dân sự; Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn L đã tự khai nhận hành vi của mình. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai, trình bày của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; đồng thời hoàn toàn phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 20 phút, ngày 16/2/2021 tại phòng hát số 01 quán Karaoke X; Hoàng Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Lý Thị T với tổng số tiền 2.670.000 đồng, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu tiêu sài cá nhân.

[3] Bị cáo đã thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong bảo quản tài sản của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Bị cáo có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn khu dân cư.

[4] Từ những nhận định nêu trên, đảm bảo căn cứ xác định bị cáo Hoàng Văn L đã thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “1. Người nào trộm cắp tài sản của

người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...
5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*

[5] Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, cần phải xem xét đến đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa trách nhiệm hình sự, hình phạt:

[7] Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và chưa bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật. Là người có trình độ văn hóa thấp (02/12), nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế.

[8] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (khung hình phạt bị truy tố cao nhất không quá 03 năm), trong suốt quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại Lý Thị T đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi thấy rằng, bị cáo nhất thời nảy sinh lòng tham nên đã bộc phát thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất ít nghiêm trọng, chiếm đoạt tài sản có trị giá ở gần mức khởi điểm định lượng, khung hình phạt bị truy tố. Bị cáo phạm tội lần đầu do hám lợi, thiếu hiểu biết; tính chất thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân tốt, là người có tuổi đã cao, không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội được nhận xét có ý thức chấp hành pháp luật tốt. Hội đồng xét xử thấy rằng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt tù ở gần mức khởi điểm của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định gấp đôi thời gian thử thách, cải tạo tại địa phương nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp nên cần phải áp dụng hình phạt tiền bổ sung. Tại biên bản xác minh ngày 23/2/2021 thể hiện bị cáo có tài sản đảm bảo thi hành án nên có căn cứ áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tuy nhiên áp dụng ở mức khởi điểm của khung hình phạt (do bị cáo là người tuổi đã cao, công việc chính là làm ruộng, phụ giúp các con trông cháu nhỏ) là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 2.670.000 đồng, 01 chiếc ví thổ cẩm, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Chu Thị T (do bị hại mua xe cũ nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ) và 01 chứng minh thư nhân dân là tài sản, giấy tờ nhân thân thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại nên được trả lại. Số tiền 740.000 đồng và 01 điện thoại di động của Hoàng Văn L, cần trả lại bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 12H1-165.08 là tài sản của anh Hoàng Văn T, việc bị cáo tự ý sử dụng làm phương tiện phạm tội, chủ sở hữu ngay tình; việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[14] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[15] Xét đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề tội danh, hình phạt chính, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí là có căn cứ, phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[16] Đề nghị trong lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc trong quá trình nghị án.

[17] Bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 (01 tình tiết) Điều 51; các Điều 38, 50 và Điều 65; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn L phạm Tội trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày xét xử sơ thẩm 21/5/2021. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trong việc giám sát giáo dục trong thời gian thử

thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn L số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) nộp Ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị hại bà Lý Thị T:

+ Số tiền 2.670.000 đồng (hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

+ 01 chiếc ví thỏ cầm, 01 đăng ký xe mô số 005586 Biển kiểm soát 12H1-8840 mang tên Chu Thị T và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lý Thị T.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn L:

+ Số tiền 740.000đ (bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có số IMEI1 là 865266033921379, số IMEI2 là 865266033921389.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, chi tiết các vật chứng được mô tả theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22 tháng 4 năm 2021)

4. Án phí: Buộc bị cáo Hoàng Văn L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo, Người TGT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Mạnh Cường

